

Bản án số: 199/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 9 - 2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thoan và bà Nguyễn Thị Hoè.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Minh Quân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2025/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 298/2025/QĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Trị (trước đây là xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình); vắng mặt (có Đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn* Anh Hà Ngọc H1, sinh ngày 27/02/1989; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Số C, đường A, tổ dân phố E Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Trị (trước đây là Tổ dân phố E, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình); Hiện đang cư trú: New Zealand; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn, B tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn - chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Hà Ngọc H1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2016 tại UBND xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là xã T, tỉnh Quảng Trị). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau ở nhà bố mẹ anh H1 tại số C đường A, Tổ dân phố E Đ, phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay.

Năm 2024, anh H1 đi xuất khẩu lao động sang V. Do hai vợ chồng sống ly thân một thời gian dài, vì vậy không còn điều kiện gần gũi nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn. Nay xét thấy cuộc sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Ngọc H1.

Vợ chồng anh chị có hai con chung tên là cháu Hà Ngọc Gia Q, sinh ngày 29/7/2016 hiện đang ở với ông bà nội và cháu Hà Ngọc Gia B, sinh ngày 23/10/2017 hiện đang ở với chị H. Nguyên vọng của chị là sau khi ly hôn mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con là Hoàng Ngọc Gia B1 và giao con Hoàng Ngọc Gia Q1 cho anh Hà Ngọc H1 chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng tiền nuôi con.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị chưa tạo lập được tài sản chung gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Hà Ngọc H1 hiện đang làm việc và cư trú tại New Zealand. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Hà Ngọc H1, tuy nhiên, cho đến nay vẫn không nhận được lời khai, tài liệu, chứng cứ của anh H1. Tại phiên tòa anh H1 không có mặt.

Tại Biên bản lấy lời khai bổ đề của anh Hà Ngọc H1 là ông Hà Ngọc H2, ông H2 trình bày: Ông có biết việc chị H (con dâu) nộp đơn xin ly hôn và được Tòa án thụ lý giải quyết đối với anh H1 (con trai ông). Hai anh chị kết hôn với nhau năm 2016, sau đấy về sống chung với gia đình ông. Năm 2017, H1 đi xuất khẩu lao động tại N đến năm 2020 về nước. Đến năm 2023 thì H1 lại đi xuất khẩu lao động tại New Zealand. Gia đình cũng có liên lạc điện thoại với H1, H1 cũng biết chuyện H khởi kiện ly hôn và cũng muốn ly hôn nhưng do không có điều kiện để gửi giấy tờ về, ông cũng không biết rõ địa chỉ cụ thể ở đâu, chỉ biết H1 đang làm ăn và sinh sống tại New Zealand. Về con chung của anh chị, ông xác nhận anh H1 và chị H có hai con chung là cháu Hà Ngọc Gia Q, sinh năm 2016, hiện đang ở với ông bà và cháu Hà Ngọc Gia B, sinh năm 2017 hiện đang ở với chị H. Về tài sản chung thì hai vợ chồng không có. Nay chị H xin ly hôn anh H1, ông không có ý kiến gì, tùy vào quyết định của hai con, còn về con chung, ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Gia Q đến khi anh H1 về nước. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn - anh Hà Ngọc H1.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Hà Ngọc H1. Về con chung đề nghị xử giao cháu Hà Ngọc Gia Q cho anh H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và cháu Hà Ngọc Gia B cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý của nguyên đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Theo Công văn số: 555/CV-QLXNC ngày 06/3/2025 của Phòng Q2 Công an tỉnh Q thì anh Hà Ngọc H1 đã xuất cảnh ra nước ngoài lần gần đây nhất từ ngày 17/5/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước; chị Trần Thị H và ông Hà Ngọc H2 cung cấp địa chỉ của anh Hà Ngọc H1 hiện đang cư trú tại New Zealand, như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản Điều 37 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh Hà Ngọc H1 và thông báo cho anh Hà Ngọc H1 biết về thời gian, địa điểm giải quyết vụ việc ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Hà Ngọc H1 trên Hệ phát thanh đối ngoại quốc gia qua Đ 03 lần trong 03 ngày liên tiếp từ ngày 15/8/2025 đến ngày 17/8/2025, nhưng vẫn không nhận được thông tin gì từ anh H1. Trước khi xét xử, chị H có Đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228, 238 và điểm b, c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị H và anh Hà Ngọc H1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy chị Trần Thị H và anh Hà Ngọc H1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, do đó, quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, hai vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung, không thể sống hòa hợp cùng nhau. Từ 2017, anh H1 thường xuyên ra nước ngoài làm việc đến nay vẫn chưa về lại Việt Nam. Giữa hai vợ chồng đã bất đồng quan điểm từ trước, cùng với việc cả anh H1 đi nước ngoài, tình cảm vợ chồng giữa anh chị ngày càng xa cách, cuộc sống hôn nhân không có khả năng hàn gắn lại. Chị H khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên chị cương quyết xin được ly hôn anh H1. Phía anh H1 sau khi nhận được thông tin từ gia đình, bạn bè về việc chị H ly hôn với anh nhưng cũng không có ý kiến gì phản hồi về. Chứng tỏ, anh H1 cũng không muốn hàn gắn tình cảm với chị H. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh H1 đã đến mức độ trầm trọng, quan hệ hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Hà Ngọc H1.

[2.2]. Quan hệ con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung tên là Hà Ngọc Gia Q, sinh ngày 29/7/2016 hiện đang sống với bố mẹ của anh H1 và cháu Hà Ngọc Gia B, sinh ngày 23/10/2017 hiện đang sống với chị H, trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia B và giao cháu Gia Q cho anh H1 chăm sóc nuôi dưỡng. Xét thấy trong thời gian anh H1 xa nhà cháu Gia Q do bố mẹ đẻ của anh là ông Hà Ngọc H2 và bà Lê Thị P chăm sóc nuôi dưỡng; cháu Gia B do gia đình chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo đảm tốt mọi mặt cuộc sống của con. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia

đình giao cháu Hà Ngọc Gia Q cho anh Hà Ngọc H1 chăm sóc nuôi dưỡng và cháu Hà Ngọc Gia B cho chị Trần Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, anh H1 và chị H có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

[2.3]. Quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí, chi phí tố tụng: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 2.250.000 đồng chi phí tố tụng.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H và anh Hà Ngọc H1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, các 227, Điều 228, 238, 469, 474, 475, các điểm b, c khoản 5 Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và g đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Hà Ngọc H1.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung của chị Trần Thị H và anh Hà Ngọc H1 là cháu Hà Ngọc Gia Q, sinh ngày 29/7/2016 cho anh Hà Ngọc H1 chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Hà Ngọc Gia B, sinh ngày 23/10/2017 cho chị Trần Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, anh Hà Ngọc H1 và chị Trần Thị H có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

4. Về chi phí tố tụng: Chị Trần Thị H phải chịu 2.250.000 (hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn) đồng chi phí tố tụng, chị H đã nộp đủ số tiền này.

5. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị H đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005298 ngày 13/3/2025.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định; anh Hà Ngọc H1 vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu